TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/**2023/HSST
Ngày: 16/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, TP.HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Kế Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Chuyển
2. Ông Phan Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm*:** Ông Nguyễn Phúc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16/3/2023, tại Trụ sở tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 10/2023/HSST, ngày 13 tháng 01 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXX ngày 02 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/HPT-QĐ ngày 17/02/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc H, Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1995; Giới tính: Nữ; HKTT và nơi ở: phường N, quận B, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1975(Chết năm 2017), mẹ đẻ: Bà Trương Thị H, sinh năm: 1978; Gia đình bị cáo là con duy nhất. Chồng: Ly hôn 2016; Có 04 con: con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm: 03/6/2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"*Cấm đi khỏi nơi cư trú*"* - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Phùng Đắc T, Sinh năm: 1993
HKTT, nơi ở: Thôn D, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 8/2021, Nguyễn Ngọc H có quen biết anh Phùng Đắc T qua mạng xã hội Zalo. Quá trình quen biết, do nợ nần ngoài xã hội và cần tiền chi tiêu, trả nợ nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T bằng hình thức mạo danh mẹ mình là bà Trương Thị H để lừa rủ anh T góp vốn kinh doanh rượu ngoại qua đó chiếm đoạt số tiền góp vốn này của anh T. Sau đó, H nói với anh T là mẹ H là bà Trương Thị H đang kinh doanh rượu ngoại và cần người cùng góp vốn để kinh doanh rượu, chia 50% số tiền lãi kinh doanh và hỏi anh T có tham giam góp vốn cùng mẹ H không, tin tưởng H nên anh T đồng ý. H sau đó đã sử dụng một sim điện thoại (không nhớ số điện thoại) tạo một tài khoản Zalo với tên "Huệ Trương" để mạo danh bà Trương Thị H và giới thiệu để anh T kết bạn với mẹ mình qua tài khoản Zalo "Huệ Trương". Sau khi anh T kết bạn, H đã dùng tài khoản Zalo "Huệ Trương" để mạo danh là bà Trương Thị H rồi nhắn tin trao đổi với anh T việc đang kinh doanh rượu ngoại, lợi nhuận cao, cần vốn để kinh doanh, nếu anh T góp vốn thì bà Trương Thị H sẽ chia tiền lãi cho anh T theo số vốn đã góp. Tin tưởng tài khoản Zalo "Huệ Trương" là của bà Trương Thị H (là mẹ H) và những thông tin tài khoản do zalo này cung cấp là thật nên anh T đồng ý. Sau đó, theo yêu cầu của tài khoản Zalo "Huệ Trương" từ ngày 02/9/2021 đến ngày 14/10/2021, tại khu vực tòa nhà M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, anh T đã nhiều lần chuyển khoản tiền góp vốn để kinh doanh rượu ngoại với bà Trương Thị H theo yêu cầu từ tài khoản Zalo "Huệ Trương", anh T đã chuyển tiền góp vốn vào các tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBBank và tài khoản số 151817106 tại ngân hàng VPBank (đều mang tên Nguyễn Ngọc H) cùng tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank mang tên Trương Thùy T, với tổng số tiền là 343.300.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 02/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 của mình tại ngân hàng VIB chuyển số tiền 54.300.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của Nguyễn Ngọc H.

- Ngày 07/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 020088421966 tại ngân hàng Sacombank của bà Nguyễn Thị T (là mẹ anh T) chuyển số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản số 19037487505015 tại ngân hàng Techcombank của Nguyễn Ngọc H và sử dụng tài khoản số 03131011866143 tại ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank của Trương Thùy T.

- Ngày 08/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 03131011866143 tại ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền 32.000.000 đồng vào tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank của Trương Thùy T.

- Ngày 09/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB chuyển số tiền 80.000.000 đồng vào tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank của Trương Thùy T.

- Ngày 16/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB chuyển lần lượt số tiền là 57.000.000 đồng và 10.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của H.

- Ngày 10/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 020088421996 tại ngân hàng Sacombank của bà Nguyễn Thị T (là mẹ anh T) chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của H.

- Ngày 14/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 của mình tại ngân hàng VIB chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của H.

Đối với số tiền anh T chuyển vào tài khoản số 1903583777012 tại ngân hàng Techcombank của Trương Thùy T, sau khi nhận được tiền, chị T đã chuyển khoản lại số tiền tương ứng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank của Nguyễn Ngọc H.

Toàn bộ số tiền 343.300.000 đồng chiếm đoạt của anh T là tiền anh T chuyển khoản để góp vốn kinh doanh rượu ngoại theo yêu cầu của tài khoản Zalo "Huệ Trương", chuyển khoản vào tài khoản của H và chị T, H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết (hiện chưa khắc phục được hậu quả).

Ngoài số tiền anh T chuyển khoản theo yêu cầu của Zalo "Huệ Trương" để góp vốn kinh doanh rượu trên, anh T còn nhiều lần chuyển khoản tiền cho H vay, thanh toán hộ hoặc cho tiền H và các khoản tiền này đều không liên quan đến việc góp vốn kinh doanh rượu qua tài khoản Zalo "Huệ Trương", cụ thể: Ngày 03/9/2021, H nhờ anh T chuyển khoản trả tiền mua hàng trên mạng, anh T đồng ý và sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền 3.120.000 đồng vào tài khoản số 868619929999 tại ngân hàng MBBank của Nguyễn Thanh T; Ngày 07/9/2021, H tiếp tục nhờ anh T chuyển khoản trả giúp H tiền mua hàng trên mạng, anh T đồng ý và sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền 1.670.000 đồng vào tài khoản số 9200133886666 tại ngân hàng MBbank của Doãn Ý N; Ngày 30/8/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T lần lượt chuyển số

tiền là 6.000.000 đồng và 1.000.000 đồng vào tài khoản số 151817106 tại ngân hàng VPbank của H (Hai khoản tiền này là anh T cho H).

Các khoản anh T chuyển khoản cho H vay, cụ thể: Ngày 31/8/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T lần lượt chuyển số tiền là 6.600.000 đồng và 12.100.000 đồng vào tài khoản số 151817106 tại ngân hàng Vpbank của H; Ngày 08/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 03131011866143 tại ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 13/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 15/9/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T lần lượt chuyển số tiền là 36.300.000 đồng và 3.600.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 04/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 03131011866143 tại ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền là 1.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 05/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 03131011866143 ngân hàng MSB của anh T chuyển số tiền là 2.000.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 25/10/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền là 500.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H; Ngày 02/11/2021, anh T sử dụng tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T chuyển số tiền 800.000 đồng vào tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H.

Ngoài ra anh T còn cho H vay số tiền mặt là 11.910.000 đồng, nhưng anh T không nhớ rõ cho vay ngày nào. Tổng số tiền anh T cho H vay là 114.810.000 đồng. Tổng số tiền anh T trả giúp H tiền mua hàng qua mạng là 4.790.000 đồng. Số tiền anh T cho H là 7.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền anh T cho H vay và trả tiền mua hàng hộ cho H là 119.600.000 đồng.

Vào các ngày 01/9/2021, 08/9/2021, 09/9/2021, 14/9/2021, 16/9/2021, H đã dùng tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng Mbbank của H lần lượt chuyển khoản trả số tiền là 21.000.000 đồng, 18.700.000 đồng, 20.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, 39.900.000 đồng vào tài khoản số 999989988 tại ngân hàng VIB của anh T. Tổng số tiền H đã trả cho anh T là 119.600.000 đồng.

Khoảng cuối tháng 10 năm 2021, do cần tiền nên anh T đã yêu cầu bà Trương Thị H gặp mặt và trả lại tiền góp vốn. Lúc này, H không có tiền khắc phục trả cho anh T nên nảy sinh ý định nhờ người đóng giả bà Trương Thị H để khất nợ. Ngày 24/10/2021, H liên lạc với chị Nguyễn Vũ Hồng A, làm nghề môi

giới nhân sự nhờ chị A tìm người đóng giả bà Trương Thị H để gặp anh T xin khất tiền trả nợ trong thời gian 01 tuần với giá thù lao là 3.000.000 đồng. Chị A đồng ý rồi nhờ bạn là chị Nguyễn Thị Thu H đóng giả mẹ của H và được chị Nguyễn Thị Thu H đồng ý. H sau đó tải ảnh chân dung của chị Nguyễn Thị Thu H và đặt làm ảnh đại diện của tài khoản Zalo "Huệ Trương" để anh T gặp mặt và tin chị Nguyễn Thị Thu H là bà Trương Thị H (là mẹ của H).

Trưa ngày 25/10/2021, H cùng chị A và Nguyễn Thị Thu H gặp nhau tại gần quán Café Cộng, phường G, quận B, thành phố Hà Nội để thống nhất khi gặp anh T thì chị Nguyễn Thị Thu H sẽ đóng giả bà Trương Thị H là mẹ của H rồi nói cho T biết rằng đã sử dụng số tiền anh T đã đưa để kinh doanh rượu ngoại, do trục trặc với bên đối tác nên hẹn sẽ trả anh T trong vòng 01 tuần. H đã dùng tài khoản số 0120132028888 tại ngân hàng MBbank chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản số 6660127126666 tại ngân hàng Mbbank của chị A để đặt cọc tiền thuê người. Khi anh T đến, chị Nguyễn Thị Thu H mạo danh mình là bà Trương Thị H, còn chị A đóng giả là người kinh doanh thủy sản với bà Trương Thị H rồi cùng H nói cho T biết rằng bà Trương Thị H đã sử dụng số tiền anh T đưa để kinh doanh rượu ngoại, do trục trặc với bên đối tác nên hẹn sẽ trả anh T trong vòng 01 tuần, anh T đồng ý và ra về. H sau đó đã trả cho chị A 2.000.000 đồng tiền phí thuê người còn lại. Chị A chở Nguyễn Thị Thu H về và trả cho Nguyễn Thị Thu H số tiền là 500.000 đồng tiền công đóng giả bà Trương Thị H.

Ngoài ra, vào khoảng giữa tháng 10/2021, do H không có điện thoại để sử dụng nên nảy sinh ý định nhờ anh T mua điện thoại rồi chiếm đoạt tiền mua điện thoại của anh T. Sau đó, H đã sử dùng tài khoản Zalo "Huệ Trương" để mạo danh bà Trương Thị H nhờ anh T mua hộ cho H 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max với cam kết sẽ trả tiền mua cho anh T để anh T tin tưởng. Do tin tưởng là mẹ của H nhờ thật nên anh T đã mua điện thoại Iphone 11 Pro Max đưa cho H.

Đến đầu tháng 11/2021, anh T đã nhiều lần nhắn tin đến Zalo "Huệ Trương" yêu cầu trả tiền, nhưng không đòi được tiền. Đến ngày 14/11/2021, anh T đến nhà H tại phường N, quận B, thành phố Hà Nội và được biết bà Trương Thị H không kinh doanh rượu thì H thú nhận với anh T việc H đã gian dối và mạo danh bà Trương Thị H để chiếm đoạt tiền và chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max của anh T. Ngày 23/01/2022, sau khi chốt số tiền phải trả (bao gồm tiền góp vốn kinh doanh rượu ngoại và tiền mua điện thoại), H viết một bản cam kết sẽ hoàn trả cho anh T số tiền là 365.000.000 đồng trong vòng từ 10 đến 11 tháng nhưng sau đó do H vẫn không trả tiền cho anh T theo cam kết nên anh T đã có đơn trình báo cơ quan Công an.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 Giấy cam kết đề tên Nguyễn Ngọc H ngày 23/01/2022 (do H viết cho anh T).

Tại Bản kết luận giám định số 1755 ngày 15/7/2022 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an, kết luận: *Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Ngọc H trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Ngọc H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra*.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 356 ngày 27/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm, xác định: *01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max, trị giá: 13.000.000 đồng.*

Đối với số tiền anh T cho H vay và trả tiền mua hàng hộ cho H là 119.600.000 đồng. Do H đã trả cho anh T nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max (điện thoại H giả danh bà Trương Thị H nhờ mua để chiếm đoạt của anh T), H khai đã làm mất còn tài khoản Zalo "Huệ Trương" H đã xóa nên Cơ quan điều tra không thu được điện thoại và nội dung hội thoại, trò chuyện của tài khoản "Huệ Trương" với tài khoản Zalo của anh T.

Tại Cơ quan điều tra, bà Trương Thị H khai: Bản thân bà là lao động tự do, không kinh doanh rượu ngoại, không lập tài khoản Zalo "Huệ Trương", không biết, không giao tiếp, không nhận tiền từ anh Phùng Đắc T, không tham gia vào việc Nguyễn Ngọc H lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Phùng Đắc T.

Trương Thùy T khai: H nói với chị T là anh T là bạn hàng của H, do tài khoản ngân hàng của H bị lỗi nên nhờ tài khoản của chị nên khi anh T chuyển tiền cho chị T thì chị đã chuyển khoản lại cho H. Do chị T không biết, không tham gia vào việc H lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Vũ Hồng A và Nguyễn Thị Thu H quá trình điều tra xác định: chị A và Nguyễn Thị Thu H khi nhận lời đóng giả bà Trương Thị H để xin khất nợ cho H. Chị A và Nguyễn Thị Thu H không biết H chiếm đoạt tiền của anh T và không tham gia vào việc H lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về dân sự: anh Phùng Đắc T có đơn đề nghị chỉ yêu cầu Nguyễn Ngọc H bồi thường số tiền 356.300.000 đồng.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, số tiền chiếm đoạt của anh T là 356.300.000 đồng đến nay chưa trả được.

- Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân của bị cáo đã kết luận giữ quan điểm như cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 174 BLHS, Điều 38, Điểm s,n khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo H từ 09 đến 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo H phải trả cho anh T số tiền chiếm đoạt 356.300.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với các tài liệu chứng cứ, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định: Từ ngày 02/9/2021 đến ngày 14/10/2021, tại phường M, quận N, thành phố Hà Nội, Nguyễn Ngọc H đã nhiều lần có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản bằng cách lập tài khoản Zalo "Huệ Trương" và giả mạo là bà Trương Thị H (là mẹ của H) để anh Phùng Đắc T tin tưởng kết bạn sau đó nhắn tin, trao đổi và rủ anh Phùng Đắc T góp vốn để kinh rượu ngoại và giả danh bà Trương Thị H để nhờ anh T mua giúp chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max sau đó chiếm đoạt để sử dụng và chi tiêu cá nhân. Anh Phùng Đắc T do tin tưởng nên đã góp vốn để kinh doanh rượu ngoại với số tiền 343.300.000 đồng và đã mua hộ cho H điện thoại Iphone 11 Pro Max trị giá 13.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Ngọc H đã gian dối chiếm đoạt được của anh Phùng Đắc T là 356.300.000 đồng.

Bị cáo khai nhận tội. Hậu quả chưa khắc phục. Anh Phùng Đắc T yêu cầu H bồi thường số tiền 356.300.000 đồng.

[2] Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo H là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật.

[3] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại nhằm mục đích bị hại giao tiền cho bị cáo, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng

xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Bị cáo H có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nhận thức được lừa đảo chiếm đoạt số tiền 356.300.000đồng*(Ba trăm năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn)* của anh T là gian dối, trái với pháp luật, nhận thức được hậu quả của hành vi chiếm đoạt tài sản của mình là trái pháp luật và mong muốn hậu quả đó xẩy ra.

Xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo đang mang thai do vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s, n Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị hại có yêu cầu bồi thường về dân sự, bị cáo chưa bồi thường. Thấy cần thiết phải xử mức án tương xứng với hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện, biết được giá trị công sức lao động chân chính và biết tôn trọng pháp luật.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phùng Đắc T yêu cầu H trả lại số tiền 356.300.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bị cáo H trả lại số tiền 356.300.000 đồng cho anh T.

[6] Về xử lý vật chứng: Không.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 09 đến 10 năm tù là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo. Nên cần xử mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, Dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a Khoản 3 Điều 174, Điểm s, n Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H 07*(Bẩy)*năm 06 tháng tù tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào Điều 48 BLHS 2015 và Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 136, Khoản 1 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Về dân sự: Bị cáo H phải bồi thường cho anh T số tiền 356.300.000 đồng *(Ba trăm năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn)*.

Khi án có hiệu lực pháp luật anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Nguyễn Ngọc H chưa thi hành trả tiền thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi quy định tại Điều 357: Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về việc thi hành khoản tiền: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về án phí: Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm và 17.815,000đồng*(Mười bảy triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- *Bị cáo, người bị hại;*
- *TT lý lịch-Sở tư pháp TP Hải Phòng;*
- *VKSND Q. Nam Từ Liêm*
- *VKSND thành phố Hà Nội*
- *TAND thành phố Hà Nội*
- *Công an quận Nam Từ Liêm*
- *Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;*
- *Lưu HS-VP*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lý Kế Hiền